| | |
|---|---|
| UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG<br>**SỞ NỘI VỤ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 10496 /SNV-LĐVL | *Đà Nẵng, ngày 04 tháng 11 năm 2026* |
| V/v triển khai thực hiện mức lương tối thiểu | |

Kính gửi: Người sử dụng lao động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng[1]

Ngày 02 tháng 11 năm 2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 399/2026/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động (sau đây gọi là Nghị định số 399/2026/NĐ-CP). Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

Để triển khai thực hiện kịp thời, thống nhất các quy định về mức lương tối thiểu trên địa bàn thành phố, Sở Nội vụ thông tin và đề nghị người sử dụng lao động quan tâm thực hiện một số nội dung sau:

**1. Địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu**

Theo quy định tại số thứ tự 21 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 399/2026/NĐ-CP, các xã, phường, đặc khu trên địa bàn thành phố Đà Nẵng được phân loại theo các vùng II, III và IV, cụ thể như sau:

a) Vùng II, gồm các phường Hải Châu, Hòa Cường, Thanh Khê, An Khê, An Hải, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Hòa Khánh, Hải Vân, Liên Chiểu, Cẩm Lệ, Hòa Xuân, Tam Kỳ, Quảng Phú, Hương Trà, Bàn Thạch, Hội An, Hội An Đông, Hội An Tây, Điện Bàn, Điện Bàn Đông, An Thắng, Điện Bàn Bắc và các xã Hòa Vang, Hòa Tiến, Bà Nà, Tân Hiệp, Điện Bàn Tây, Gò Nổi và đặc khu Hoàng Sa.

b) Vùng III, gồm các xã Núi Thành, Tam Mỹ, Tam Anh, Đức Phú, Tam Xuân, Tam Hải, Tây Hồ, Chiên Đàn, Phú Ninh, Thăng Bình, Thăng An, Thăng Trường, Thăng Điền, Thăng Phú, Đồng Dương, Quế Sơn Trung, Quế Sơn, Xuân Phú, Nông Sơn, Quế Phước, Duy Nghĩa, Nam Phước, Duy Xuyên, Thu Bồn, Đại Lộc, Hà Nha, Thượng Đức, Vu Gia, Phú Thuận.

c) Vùng IV, gồm các xã, phường còn lại.

**2. Mức lương tối thiểu tháng và mức lương tối thiểu giờ**

Mức lương tối thiểu tháng và mức lương tối thiểu giờ áp dụng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 như sau:

| Vùng | Mức lương tối thiểu tháng (đồng/tháng) | Mức lương tối thiểu giờ (đồng/giờ) |
|---|---|---|
| Vùng II | 5.080.000 | 24.400 |
| Vùng III | 4.450.000 | 21.400 |
| Vùng IV | 4.040.000 | 19.400 |

[1] Tại khoản 2 Điều 3 Bộ luật Lao động năm 2019 (BLLĐ) quy định: *"Người sử dụng lao động là doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có thuê mướn, sử dụng người lao động làm việc cho mình theo thỏa thuận; trường hợp người sử dụng lao động là cá nhân thì phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ."*

**3. Nguyên tắc áp dụng mức lương tối thiểu**

Việc áp dụng mức lương tối thiểu được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 399/2026/NĐ-CP, cụ thể:

a) Mức lương tối thiểu tháng là mức lương thấp nhất làm cơ sở để thỏa thuận và trả lương đối với người lao động áp dụng hình thức trả lương theo tháng, bảo đảm mức lương theo công việc hoặc chức danh của người lao động làm việc đủ thời giờ làm việc bình thường trong tháng và hoàn thành định mức lao động hoặc công việc đã thỏa thuận không được thấp hơn mức lương tối thiểu tháng.

b) Mức lương tối thiểu giờ là mức lương thấp nhất làm cơ sở để thỏa thuận và trả lương đối với người lao động áp dụng hình thức trả lương theo giờ, bảo đảm mức lương theo công việc hoặc chức danh của người lao động làm việc trong một giờ và hoàn thành định mức lao động hoặc công việc đã thỏa thuận không được thấp hơn mức lương tối thiểu giờ.

c) Đối với người lao động áp dụng hình thức trả lương theo tuần, theo ngày, theo sản phẩm hoặc lương khoán thì mức lương của các hình thức trả lương này, nếu quy đổi theo tháng hoặc theo giờ, không được thấp hơn mức lương tối thiểu tháng hoặc mức lương tối thiểu giờ. Mức lương quy đổi theo tháng hoặc theo giờ được xác định trên cơ sở thời giờ làm việc bình thường do người sử dụng lao động lựa chọn theo quy định của pháp luật lao động, cụ thể:

- Mức lương quy đổi theo tháng bằng mức lương theo tuần nhân với 52 tuần chia cho 12 tháng; hoặc bằng mức lương theo ngày nhân với số ngày làm việc bình thường trong tháng; hoặc bằng mức lương theo sản phẩm, lương khoán thực hiện trong thời giờ làm việc bình thường trong tháng.

- Mức lương quy đổi theo giờ bằng mức lương theo tuần, theo ngày chia cho số giờ làm việc bình thường trong tuần, trong ngày; hoặc bằng mức lương theo sản phẩm, lương khoán chia cho số giờ làm việc trong thời giờ làm việc bình thường để sản xuất sản phẩm, thực hiện nhiệm vụ khoán.

**4. Trách nhiệm của người sử dụng lao động**

a) Theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 399/2026/NĐ-CP, người sử dụng lao động có trách nhiệm rà soát các thỏa thuận trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể và các quy chế, quy định của người sử dụng lao động để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp; không được xóa bỏ hoặc cắt giảm các chế độ tiền lương khi người lao động làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm, chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật và các chế độ khác theo quy định của pháp luật lao động.

b) Đối với các nội dung đã thỏa thuận, cam kết trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể hoặc các thỏa thuận hợp pháp khác có lợi hơn cho người lao động (như chế độ trả lương cho người lao động làm công việc hoặc chức danh đòi hỏi qua học tập, đào tạo nghề cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu; chế độ trả lương cho người lao động làm công việc hoặc chức danh có điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm cao hơn ít nhất 5%; công việc hoặc chức danh có điều kiện lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm cao

hơn ít nhất 7% so với mức lương của công việc hoặc chức danh có độ phức tạp tương đương, làm việc trong điều kiện lao động bình thường) thì tiếp tục được thực hiện, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Sở Nội vụ thông tin để người sử dụng lao động biết, chủ động rà soát, điều chỉnh các nội dung có liên quan và tổ chức thực hiện đúng quy định. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Nội vụ (thông qua Phòng Lao động, việc làm), tầng 19, Trung tâm Hành chính thành phố, số 24 Trần Phú, thành phố Đà Nẵng; số điện thoại: 0236.3822124 để được hướng dẫn.

Sở Nội vụ đề nghị người sử dụng lao động quan tâm triển khai thực hiện./.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- UBND thành phố (b/c);
- Giám đốc Sở (b/c);
- Các sở, ban, ngành (p/h);
- Liên đoàn Lao động thành phố (p/h);
- Bảo hiểm xã hội thành phố (p/h);
- Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng (p/h);
- Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai (p/h);
- UBND các xã, phường, đặc khu (p/h);
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung - Tây Nguyên (p/h);
- Các hội, hiệp hội doanh nghiệp (p/h);
- Lưu: VT, LĐVL.

**KT. GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

**Nguyễn Thế Tuân**